

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 568/TTr-SXD ngày 20/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng như sau:

1. Công bố 01 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại số thứ tự 136, Phụ lục II Mục X Phần A Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 01 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại số thứ tự 65 mục III, phần B, phụ lục II Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I
Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng 1.006871	03 (Ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	150.000 đồng (Theo hướng dẫn tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy)	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TTBKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TTBKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; - Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; - Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; - Thông tư số 10/2024/TT-BXD

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Phụ lục II
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu
xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

- Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	0,25 ngày
B2	Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	0,25 ngày
		Chuyên viên được phân công thụ lý	Kiểm tra, rà soát hồ sơ; Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì dự thảo văn bản trả hồ sơ; Trình Lãnh đạo phòng duyệt văn bản	1,25 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, xét duyệt văn bản, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	0,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký duyệt văn bản. Giao văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	0,25 ngày
B4	Phát hành	Văn thư	Điền sổ, đóng dấu, phát hành; Thông báo tiếp nhận hồ sơ/Văn bản trả hồ sơ	0,25 ngày
B5	Tiếp nhận trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thông báo tiếp nhận hồ sơ/Văn bản trả hồ sơ	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày